

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1660/2026/DS-ST
Ngày: 06/08/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Vân
2. Ông Huỳnh Ngọc Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 08 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 762/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2746/2026/QĐXXST-DS ngày 18/06/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 3309/2026/QĐST-DS ngày 13/07/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty L, (văn bản ủy quyền lập ngày 17/04/2025).

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm: 2000

Địa chỉ: phòng D, Tầng D, tòa nhà S T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền lập ngày 17/4/2025), (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1998, (vắng mặt).

Địa chỉ: F ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, (nay là F2/46 ấp B, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2025, bản tự khai đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:

Ngày 22/05/2024, Công ty T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) ký Hợp đồng tín dụng số: 5531243 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn

Thị Ngọc T với khoản vay trị giá 50.000.000 đồng, lãi suất 42%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T1 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc T. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 18 tháng kể từ ngày 25/06/2024 đến ngày 25/11/2025.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, bà Nguyễn Thị Ngọc T chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty A kỳ với tổng số tiền là 40.502.858 đồng (gốc đã trả: 23.457.647 đồng; lãi, phí đã trả: 17.045.211 đồng). Từ ngày 24/05/2025 bà Nguyễn Thị Ngọc T không thanh toán cho Công ty T1.

Công ty T1 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Nguyễn Thị Ngọc T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T1 cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Ngọc T biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T1.

Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, cụ thể là không thanh toán đúng hạn số tiền theo quy định của Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty T1. Tính đến ngày 06/08/2026, bà Nguyễn Thị Ngọc T còn nợ số tiền là 46.451.574 đồng, trong đó:

Số dư nợ gốc chưa thanh toán: 26.542.353 đồng.

Số tiền nợ lãi trong hạn: 3.853.825 đồng.

Số tiền nợ lãi quá hạn: 15.659.666 đồng.

Số tiền lãi chậm trả: 395.730 đồng.

Công ty còn yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T phải thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 07/08/2026 cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng đã ký. Ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Ngọc T. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Bị đơn cung cấp địa chỉ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 20/05/2024 tại F2/46 ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, (nay là F2/46 ấp B, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh), nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phạm Thành N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Công ty T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6] Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Ngọc T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Công ty T1 nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc T không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[7] Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5531243 ngày 20/05/2024 và báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng ngày 03/12/2025, báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng ngày 03/12/2025, phiếu báo nợ số giao dịch FT24143974952947, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ thì đủ cơ sở xác định Công ty T1 đã cấp tín

dụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc T với số tiền 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 42%/năm. Sau khi được cấp tín dụng bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nhận đủ số tiền là 50.000.000 đồng. Trong quá trình vay bà Nguyễn Thị Ngọc T đã thanh toán cho Công ty T1 số tiền 40.502.858 đồng, còn nợ Công ty T1 tính đến ngày 06/08/2026 là 46.451.574 đồng (bốn mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi một ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 26.542.353 đồng, nợ lãi trong hạn 3.853.825 đồng, nợ lãi quá hạn 15.659.666 đồng, lãi chậm trả 395.730 đồng.

[8] Công ty T1 ký hợp đồng tín dụng số 5531243 ngày 20/05/2024 với bà Nguyễn Thị Ngọc T là thể hiện sự tự nguyện của hai bên, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng là hợp pháp và có giá trị ràng buộc giữa các bên để thực hiện hợp đồng, là cơ sở pháp lý để mỗi bên xác định quyền và nghĩa vụ của mình.

[9] Bà Nguyễn Thị Ngọc T đã vi phạm thỏa thuận tại các điều khoản mà hai bên đã giao kết, vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*;

[11] Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

[12] Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Công ty tài chính của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...”.

[13] Tại khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định: *“4. Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.”

[14] Tại Mục 8.3 Hợp đồng tín dụng của Công ty T1 quy định về trách nhiệm thanh toán: *“... khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc*

và/hoặc lãi theo thỏa thuận thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận thì khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả...”.

[15] Đối chiếu các quy định như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 06/08/2026 là: 46.451.574 đồng (bốn mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi một ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 26.542.353 đồng, nợ lãi trong hạn 3.853.825 đồng, nợ lãi quá hạn 15.659.666 đồng, lãi chậm trả 395.730 đồng, đồng thời bị đơn còn có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 20/05/2024 cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

[16] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[17] Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam).

[18] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025 quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Áp dụng Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T1 (Việt Nam).

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 46.451.574 đồng (bốn mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi một ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 26.542.353 đồng, nợ lãi trong hạn 3.853.825 đồng, nợ lãi quá hạn 15.659.666 đồng, lãi chậm trả 395.730 đồng.

1.2. Kể từ ngày 07/08/2026, bà Nguyễn Thị Ngọc T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5531243 ngày 20/05/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T1 (Việt Nam) thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Ngọc T phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T1 (Việt Nam).

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T chịu 2.322.579 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. H1 lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 871.876 đồng (tám trăm bảy mươi một ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011383 ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 và Điều 71 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu Vực 10;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Lưới